

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH QUẢNG NAM**

Bản án số: 04/2020/HSST
Ngày 16/01/2020

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH QUẢNG NAM**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Đặng Phùng Thành

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Văn Hoàng.
2. Bà Trần Thị Xuân Tiên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Hải Linh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện T.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa: Ông Trần Hữu Tám – Chức vụ: Kiểm sát viên .

Ngày 16 tháng 01 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 81/2019/TLST-HS ngày 27 tháng 12 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 73/2019/QĐXXST-HS ngày 31/12/2019 đối với các bị cáo:

1. Phạm Thị Mỹ L

Sinh ngày: 02/01/1996, tại: T, Quảng Nam.

Trú tại: Khu phố 7 (Tổ 13 cũ), thị trấn H, huyện T, tỉnh Quảng Nam; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 9/12;

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nữ;

Con ông: Phạm Văn T1, sinh năm: 1965; Con bà: Huỳnh Thị T, sinh năm: 1968;

Tiền án, tiền sự: Không; Bị bắt tạm giam từ ngày 04/02/2019. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Phạm Vũ B

Sinh ngày: 03/02/1991, tại: T, Quảng Nam.

Trú tại: Khu phố 7 (Tổ 13 cũ), thị trấn H, huyện T, tỉnh Quảng Nam; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 9/12;

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam;

Con ông: Phạm Văn T1, sinh năm: 1965; Con bà: Huỳnh Thị T2, sinh năm: 1968;

Tiền án, tiền sự: Không; Bị bắt tạm giam từ ngày 04/02/2019. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3. Mai Văn T3

Sinh ngày: 05/02/1995, tại: T, Quảng Nam.

Trú tại: Khu phố 8 (Tổ 11 cũ), thị trấn H, huyện T, tỉnh Quảng Nam; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 9/12;

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam;

Con ông: Mai Văn H, sinh năm: 1971; Con bà: Trần Thị D, sinh năm: 1972;

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị bắt tạm giam từ ngày 22/02/2019. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

4. Nguyễn Thiên P

Sinh ngày: 17/6/1995, tại: T, Quảng Nam.

Trú tại: Khu phố 3 (Tổ 4 cũ), thị trấn H, huyện T, tỉnh Quảng Nam.

Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 9/12;

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam;

Con ông: Nguyễn Văn M, sinh năm: 1956; Con bà: Đoàn Thị Kim H, sinh năm: 1958;

Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Ngày 18/8/2016 bị Công an huyện T xử phạt vi phạm hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy;

Bị cáo đang tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Lê Hồng Đ, sinh năm: 1984

Trú tại: Thôn V, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam.

2. Trương Văn T4, sinh năm: 1991.

Trú tại: Thôn T, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam.

3. Nguyễn Công T5, sinh năm: 1992.

4. Võ C, sinh năm: 1994.

Cùng trú tại: tổ 7, thị trấn H, huyện T, tỉnh Quảng Nam.

5. Phạm Đức Bảo N, sinh năm: 1997.

Trú tại: Thôn L, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam.

6. Nguyễn Đức H, sinh năm: 1993

Trú tại: Tổ 10, thị trấn H, huyện T, tỉnh Quảng Nam.

7. Nguyễn Thành T6, sinh năm: 1991

Trú tại: Tổ 13, thị trấn H, huyện T, tỉnh Quảng Nam.

(Những người liên quan đều vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 11h45' ngày 04/02/2019, tại nhà Phạm Thị Mỹ L, ở: Tổ 13, thị trấn H, huyện T, tỉnh Quảng Nam, lực lượng Công an huyện T phát hiện và bắt quả tang L cùng Phạm Vũ B (là anh trai của L) đang bán trái phép chất ma túy cho Lê Hồng Đ. Thu giữ của Lê Hồng Đ một gói ni lông màu trắng, bên trong có chứa chất rắn dạng tinh thể màu trắng nghi là ma túy và một điện thoại di động hiệu Mobistar có gắn sim thuê bao số 0944.155.729; thu giữ của Phạm Vũ B một điện thoại di động hiệu Oppo loại cảm ứng, có gắn sim số thuê bao 0794.584.503; thu giữ của Phạm Thị Mỹ L số tiền 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng).

Trên cơ sở lời khai ban đầu của Phạm Vũ B, vào lúc 14 giờ 30 phút, ngày 04/02/2019, Cơ quan CSĐT Công an huyện T tiến hành khám xét khẩn cấp người, chỗ ở đối với Phạm Thị Mỹ L nhà ông Phạm Văn T1, tại: Tổ 13, thị trấn H, huyện T (là cha ruột của L). Qua khám xét, Cơ quan CSĐT Công an huyện T đã thu giữ tại phòng của Phạm Thị Mỹ L gồm: : 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu

Samsung có gắn sim thuê bao số 0865.104.101 và 0376.730.413; L tự nguyện giao nộp 01 (một) gói ni lông màu trắng được khèn kín các mặt, bên trong có chứa chất rắn dạng tinh thể màu trắng (L khai là ma túy đá); thu giữ trên nền nhà trong phòng của L: 02 (hai) gói ni lông được khèn kín các mặt bên trong có chứa chất rắn dạng tinh thể màu trắng (nghĩ là ma túy đá); 01 (một) cân tiểu ly điện tử; 01 (một) kẹp kim loại; 01 (một) kéo kim loại; 02 (hai) bật lửa ga; 01 (một) bộ dụng cụ sử dụng ma túy đá; 01 (một) đoạn ống hút nhựa, một đầu được cắt nhọn; 01 (một) miếng giấy ni lông được cắt không xác định hình dạng; số tiền 5.300.000 đồng (năm triệu ba trăm ngàn đồng).

Qua quá trình làm việc, Phạm Thị Mỹ L khai nhận: Khoảng 11h30' ngày 04/02/2019, Phạm Thị Mỹ L đang ở nhà tại Tổ 13, thị trấn H thì Phạm Vũ B là anh ruột của L vào phòng hỏi: “ Có đồ (ma túy) không bán cho bạn của B cái 5 ”, L nói có và đồng ý bán. Khoảng 10 phút sau, L đưa cho B 01 (một) gói ma túy giá 500.000 đồng để B bán. Sau đó, B đem 500.000 đồng đưa lại cho L thì lực lượng Công an huyện T phát hiện và bắt giữ.

Ngoài ra, L còn khai nhận: Trong khoảng thời gian từ đầu năm 2018 đến khi bị bắt quả tang, L mua ma túy của nhiều người khác nhau (không xác định được lai lịch) ở Điện Bàn hoặc của Mai Văn T3. Trong đó, L nhớ lần gần nhất L mua ma túy của T3 là vào ngày 20/10/2018, L điện thoại cho T3 hỏi mua 2.000.000 đồng ma túy thì được T3 đồng ý và hẹn ra Cây Cốc để giao ma túy. Tại đây, T3 bán cho L 01 gói ma túy với giá 2.000.000 đồng. Số ma túy mua về, L phân nhỏ ra sử dụng và bán lại cho các đối tượng nghiện ma túy, mỗi lần bán một gói ma túy giá từ 300.000 đến 500.000 đồng. Ngoài ra L còn nhờ Phạm Vũ B và Nguyễn Thiên P đi giao (bán) ma túy giúp L. Cách thức mua bán, khi có người hỏi mua ma túy thì liên hệ với L qua số điện thoại 0865.104.101, tiếp đó, L hẹn người mua đến gần khu vực nhà L rồi L trực tiếp đi giao ma túy hoặc khi có việc bận L đưa ma túy cho Phạm Vũ B, Huỳnh Thiên P đi giao (bán) giúp. L nhớ được một số lần như sau:

Ngoài lần bắt quả tang, L khai đã trực tiếp bán ma túy cho Trương Văn Th4 02 lần, lần gần nhất là vào khoảng tháng 10/2018, L bán cho T4 01 gói ma túy với giá 300.000 đồng; bán ma túy cho Nguyễn Công T5 nhiều lần, trong đó lần gần nhất mà L nhớ là vào khoảng tháng 01/2019, Linh bán cho T5 một gói ma túy với giá 300.000 đồng; bán ma túy cho Phạm Đức Bảo N khoảng 02 đến 03 lần, trong đó lần gần nhất L nhớ là vào ngày 03/02/2019, L bán cho N 01 gói ma túy với giá 300.000 đồng; bán ma túy cho Võ C khoảng 02 đến 03 lần, trong đó lần gần nhất là vào khoảng tháng 12/2018, L bán cho C một gói ma túy với giá 300.000 đồng.

Phạm Thị Mỹ L khai nhận đã nhờ Phạm Vũ B đi giao (bán) ma túy cho Phạm Đức Bảo N và Võ C. Cụ thể:

Lần thứ nhất: Trong tháng 11/2018, C điện thoại cho L hỏi mua 01 gói ma túy thì L đồng ý và hẹn C đến khu vực gần nhà của L. Lúc này, Phạm Vũ B đang ở nhà nên L đưa gói ma túy cho B và nhờ B giao (bán) cho C giúp L. Sau khi giao ma túy cho C, B lấy số tiền 300.000 đồng từ C đem về đưa lại cho L.

Lần thứ hai: Trong tháng 01/2019, Phạm Đức Bảo N liên hệ với Phạm Vũ B nhờ B mua giùm một gói ma túy với giá 300.000 đồng. Sau đó, B hỏi L có ma túy không thì bán cho N. Nghe vậy, L đồng ý bán ma túy cho Nn và đưa cho B

một gói ma túy rồi nhờ B đem gói ma túy ra giao giúp L. Sau khi giao ma túy giúp L, B lấy của N số tiền 300.000 đồng và đem về đưa lại cho L.

Phạm Thị Mỹ L khai nhận đã nhờ Nguyễn Thiên P đi giao (bán) ma túy cho Phạm Đức Bảo N và Võ C. Cụ thể:

Lần thứ nhất: Trong tháng 01/2019, Ng điện thoại cho L hỏi mua 01 gói ma túy thì L đồng ý và hẹn N đến khu vực gần nhà của L. Lúc này, Nguyễn Thiên P đang ở nhà của L nên L đưa gói ma túy cho P và nhờ P đem gói ma túy ra khu vực trước nhà của L để giao cho N và lấy số tiền 300.000 đồng từ N đem về đưa lại cho L.

Lần thứ hai: Trong tháng 02/2019, C điện thoại cho L hỏi mua 01 gói ma túy thì L đồng ý và hẹn C đến khu vực gần nhà của L. Lúc này, P đang ở nhà của L nên L đưa gói ma túy cho P và nhờ P giao (bán) cho C giúp L. Sau khi, giao ma túy cho C thì P lấy số tiền 300.000 đồng từ C đem về đưa lại cho L.

* Phạm Vũ B khai nhận: Khoảng 11h30' ngày 04/02/2019, Phạm Vũ B đang ở nhà thì nhận được điện thoại của Lê Hồng Đ có số thuê bao 0944.155.729 vào điện thoại di động của B có số thuê bao 0794.584.503 để hỏi mua một gói ma túy đá với giá 500.000 đồng. B đi vào phòng của Phạm Thị Mỹ L hỏi L: “Có đồ (ma túy) không bán cho bạn của B cái 5?”, L nói có và đưa cho B 01 (một) gói ma túy để B bán cho Đ. Sau đó, B điện thoại nói Đ đến nhà B để mua ma túy. Khoảng 10 phút sau, Đ đến trước hiên nhà gặp B, B lấy gói ma túy giao cho Đ và nhận số tiền 500.000 đồng từ Đ thì bị Công an huyện T phát hiện, bắt quả tang.

Ngoài lần trên, B khai nhận trong khoảng thời gian từ đầu năm 2018 đến khi bị bắt, B đã giúp L giao (bán) ma túy cho nhiều người, nhưng B nhớ một số lần gần đây, cụ thể như sau:

Lần 1: Vào ngày 03/02/2019, B bán cho Phạm Đức Bảo N một gói ma túy đá với giá 500.000 đồng. Sau khi bán cho N, B góp cho N 100.000 đồng, để cùng N sử dụng ma túy. Sau đó B đem 500.000 đồng về đưa cho Phạm Thị Mỹ L.

Lần 2: Cách ngày B bị bắt quả tang khoảng 10 ngày, B giúp L bán cho N 01 gói ma túy đá với giá 500.000 đồng.

Lần 3: Cách ngày B bị bắt quả tang khoảng 2 tháng, B giúp L bán cho Võ C 01 gói ma túy với giá 200.000 đồng.

* Nguyễn Thiên P khai nhận: Ngày 11/02/2019, sau khi biết L và B bị bắt, P đã đến Công an huyện T đầu thú, khai nhận về hành vi mua bán trái phép chất ma túy của mình liên quan đến hoạt động mua bán ma túy của Phạm Thị Mỹ L và Phạm Vũ B. Trong khoảng thời gian từ cuối năm 2018 đến khi L và B bị bắt, P nhiều lần đến nhà L chơi và được L cho sử dụng ma túy đá cùng L và B. Thời gian gần đây, để được L cho sử dụng ma túy chung mà không tốn tiền nên P đã nhiều lần giúp L đem ma túy giao (bán) cho người khác. P khai nhận đã giúp L giao (bán) ma túy giúp cho Nguyễn Công T5, Võ C, đối tượng tên V (biệt danh: V trâu bò – thị trấn H), tổng cộng được khoảng từ 07 đến 08 lần, mỗi lần giao một gói ma túy với giá 300.000 đồng. Trong đó P nhớ lần gần nhất: Vào khoảng 20 giờ ngày 01/02/2019, P đang ngồi nhậu với anh Phạm Vũ L tại nhà của Phạm Thị Mỹ L thì được L gọi vào và đưa 01 gói ma túy với giá 300.000 đồng. L bảo P đưa gói ma túy này cho C đang đứng đợi ở trước nhà. Sau khi ra gặp C để giao ma túy, P lấy số tiền 300.000 đồng từ C đem vào đưa cho L.

Trên cơ sở lời khai của Phạm Thị Mỹ L, Nguyễn Thành T6, Nguyễn Đức H, Trương Văn T4, Nguyễn Công T5, vào lúc 14 giờ 30 phút, ngày 27/02/2019, Cơ quan CSĐT Công an huyện T tiến hành khám xét chỗ ở đối với Mai Văn T3, nhà bà Trần Thị D, tại: Tổ 11, thị trấn H, huyện T (là mẹ ruột của T3). Qua khám xét, thu giữ: 02 bình ga mi ni (đã qua sử dụng); 01 đầu khò; 01 kéo kim loại; 05 bật lửa ga; 01 kẹp kim loại; 01 lọ thủy tinh, chiều cao 9cm, đường kính đáy 3 cm, được thiết kế có 02 lỗ thông phía trên, bên trong có 01 ống dẫn (dụng cụ sử dụng ma túy đá); 02 kiếm tự chế bằng kim loại, dài 62cm và 67cm.

* Quá trình điều tra Mai Văn T3 khai nhận: Trong khoảng thời gian cuối năm 2018 đến đầu năm 2019, T3 mua của một người thanh niên ở Đà Nẵng (không rõ họ tên, địa chỉ cụ thể) hoặc nhờ Phạm Thị Mỹ L mua ma túy về để sử dụng và bán lại cho các đối tượng nghiện ma túy, mỗi lần bán một gói ma túy giá từ 300.000 đến 500.000 đồng. Cách thức mua bán, khi có người hỏi mua ma túy thì liên hệ với T3 qua số điện thoại 0962.566.252, T3 sẽ hẹn địa điểm rồi trực tiếp đến giao ma túy và lấy tiền. Mai Văn T3 khai nhận đã bán ma túy cho Phạm Thị Mỹ L 01 lần vào ngày 20/10/2019 với giá 2.000.000 đồng; bán ma túy cho Nguyễn Công T5 được vài lần, mỗi lần 01 gói ma túy giá 300.000 đồng; bán ma túy cho Nguyễn Đức H khoảng 02 đến 03 lần, mỗi lần 01 gói ma túy giá 300.000 đồng.

Quá trình điều tra Lê Hồng Đ, Nguyễn Thành T6, Nguyễn Đức H, Võ Đình Anh V, Trương Văn T4, Nguyễn Công T5, Phạm Đức Bảo N, Võ C khai nhận như sau:

+ Lời khai của Lê Hồng Đ: Khoảng 11h30' ngày 04/02/2019, Lê Hồng Đ gọi điện từ số thuê bao 0944.155.729 vào số thuê bao 0794.584.503 của Phạm Vũ B hỏi mua một gói ma túy với giá 500.000 đồng. B nói Đ chờ B đi hỏi có hay không? Khoảng 02 phút sau, B gọi lại nói Đ đến nhà B lấy ma túy. Nghe vậy, Đ đi đến nhà B tại Tổ 13, thị trấn H để mua ma túy. Đức gặp B tại hiên nhà B và được B đưa 01 (một) gói ma túy, Đ đưa cho B số tiền 500.000 đồng thì bị Công an huyện T phát hiện và bắt quả tang.

+ Lời khai của Nguyễn Thành T6: T6 thường xuyên sử dụng ma túy, T6 khai nhận đã mua ma túy của Phạm Thị Mỹ L 01 lần (khoảng tháng 11/2018) với giá 200.000 đồng tại trước nhà L.

+ Lời khai của Nguyễn Đức H: H khai đã mua ma túy của Phạm Thị Mỹ L 02 lần.

Lần thứ nhất: Trong khoảng tháng 01/2019, H mua của Phạm Thị Mỹ L một gói ma túy với giá 300.000 đồng.

Lần thứ hai: Cách lần thứ nhất khoảng 10 ngày trở về trước, H mua của Phạm Thị Mỹ L một gói ma túy với giá 300.000 đồng.

H khai đã mua ma túy của Mai Văn T3 nhiều lần, nhưng chỉ nhớ 01 lần vào khoảng thời gian cuối năm 2018 (không nhớ rõ thời gian cụ thể), H điện thoại cho Mai Văn T3 nói “kiếm chỗ mô làm tí bạn” thì được T3 đáp lại “đợi khoảng 20 phút”. Sau đó, T3 điện thoại lại cho H và hỏi H đang ở đâu thì H đáp lại là đang ở nhà Nguyễn Thành T6. Khoảng 05 phút sau, T3 đến nhà T6, tại đây H đưa cho T3 200.000 đồng thì T3 rút từ trong người ra một gói ma túy, T3 đổ ra một ít vào nỏ thủy tinh rồi sau đó cả nhóm cùng sử dụng.

+ Lời khai của Trương Văn T4: mua ma túy của Phạm Thị Mỹ L 03 lần, cụ thể:

Lần 1: Vào khoảng 22 giờ ngày 25/01/2019, T4 có mua Phạm Thị Mỹ L 01 gói ma túy giá 300.000 đồng tại trước nhà của L.

Lần 2: Vào khoảng 23 giờ ngày 24/01/2019, T4 có mua Phạm Thị Mỹ L 01 gói ma túy giá 300.000 đồng tại trước nhà của L.

Lần 3: Vào khoảng 20 giờ ngày 22/01/2019, T4 có mua Phạm Thị Mỹ L 01 gói ma túy giá 300.000 đồng tại trước nhà của L.

Mua ma túy của Mai Văn T3 03 lần, cụ thể:

Lần 1: Vào khoảng 15 giờ ngày 01/02/2019, T4 có mua của Mai Văn T3 01 gói ma túy giá 300.000 đồng tại cầu gần trường THPT TP.

Lần 2: Vào khoảng 23 giờ ngày 31/01/2019, T4 có mua của Mai Văn T3 01 gói ma túy giá 300.000 đồng tại cầu gần trường THPT TP.

Lần 3: Vào khoảng 19 giờ ngày 26/01/2019, T4 có mua của Mai Văn T3 01 gói ma túy giá 300.000 đồng tại cầu gần trường THPT TP.

+ Lời khai của Nguyễn Công T5: Tôi mua ma túy của Phạm Thị Mỹ L nhiều lần nhưng chỉ nhớ được 01 lần gần nhất là vào khoảng đầu tháng 01/2019, T5 điện thoại cho L hỏi mua 01 gói ma túy giá 300.000 đồng thì L đồng ý và hẹn T5 đến trước nhà của L để lấy ma túy. Khi T5 đến trước nhà của L thì gặp Nguyễn Thiên P đi ra, T5 đưa cho P số tiền 300.000 đồng và P bán lại 01 gói ma túy.

Vào khoảng thời gian cuối năm 2018 (không nhớ rõ thời gian cụ thể), T5 mua của Mai Văn T3 01 gói ma túy với giá 300.000 tại khu vực gần trường THPT TP.

+ Lời khai của Phạm Đức Bảo N: Trong tháng 01/2019, N có liên hệ với Phạm Thị Mỹ L và Phạm Vũ B để mua ma túy được khoảng 05 lần. Lần gần nhất là vào khoảng tối ngày 03/02/2019 N gọi điện thoại cho Phạm Vũ B hỏi mua 01 gói ma túy với giá 800.000 đồng. Khoảng 05 phút sau, B đến nhà N, B đưa cho N 01 gói ma túy, N đưa B 700.000 đồng, B xin góp 100.000 đồng để sử dụng ma túy chung cùng N.

+ Lời khai của Võ C: Võ C có liên hệ với Phạm Thị Mỹ L để mua ma túy nhiều lần, mỗi lần mua một gói ma túy với giá 300.000 đồng đến 500.000 đồng. Lần gần nhất C mua ma túy của Phạm Thị Mỹ L là khoảng thời gian 03 ngày trước khi L bị bắt quả tang. C nhắn tin cho Phạm Thị Mỹ L hỏi mua 01 gói ma túy với giá 500.000 đồng thì L đồng ý và hẹn đến trước nhà L. Khi C đến trước nhà L thì gặp Nguyễn Thiên P đi ra giao cho C 02 gói ma túy, C đưa cho P số tiền 350.000 đồng. Sau khi mua ma túy, C về nhà nhắn tin cho L về việc nợ 150.000 đồng tiền mua ma túy.

Bản cáo trạng số: 05/CT-VKS ngày 26/12/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam đã truy tố các bị cáo Phạm Thị Mỹ L, Phạm Vũ B, Nguyễn Thiên P về tội: “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại các điểm a, b khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự; Truy tố bị cáo Mai Văn T3 về tội: “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự;

* Trước đây và tại phiên tòa bị cáo Phạm Thị Mỹ L khai: Bị cáo hoạt động mua bán ma túy từ đầu năm 2018 cho đến ngày bị bắt. Bị cáo mua ma túy của một người không rõ địa chỉ ở Điện Bàn và có lần mua của Mai Văn T3 về chia ra để bán. Mỗi gói từ 300.000 đồng đến 500.000 đồng. Bị cáo đã trực tiếp bán cho nhiều người không nhớ rõ. Ngoài lần bị bắt quả tang, bị cáo nhớ đã bán cho T4 02 lần, mỗi lần 01 gói giá 300.000 đồng. Bán cho T5 01 lần gói 300.000 đồng. Bán cho Ng từ 02 đến 03 lần, mỗi lần 300.000 đồng. Bán cho C từ 02 đến 03 lần, mỗi lần 300.000 đồng. Ngoài việc bị cáo trực tiếp bán thì còn có anh B và P giúp bị cáo bán ma túy, bị cáo nhớ ngoài lần bị bắt thì anh B giúp bị cáo giao ma túy cho N 02 lần, mỗi lần 300.000 đồng. P giúp bị cáo giao ma túy cho N 01 lần 300.000 đồng và giao cho C 01 lần 300.000 đồng. Bị cáo L xin Hội đồng xét xử xem xét hoàn cảnh của bị cáo xin giảm nhẹ cho bị cáo.

* Trước đây và tại phiên tòa bị cáo Phạm Vũ B khai nhận: Bị cáo L là em gái của bị cáo, vì L là con gái, do sợ bị giạt ma túy khi mua bán với các đối tượng nghiện nên khi có người hỏi mua ma túy, có khi gọi điện thoại cho L cũng có khi điện thoại cho bị cáo. Bị cáo nói lại với L, thì L đồng ý bán và giao ma túy cho bị cáo, bị cáo mang ma túy ra đưa cho các đối tượng và mang tiền về giao cho L. Bị cáo chỉ giúp L bán ma túy chứ không có lấy tiền công nhưng được L cho bị cáo ma túy để sử dụng chung. Trong khoảng thời gian từ đầu năm 2018 đến ngày bị bắt, bị cáo đã giúp L giao ma túy khoảng 15 lần, mỗi lần từ 300.000 đồng đến 500.000 đồng bị cáo không nhớ cụ thể. Bị cáo chỉ nhớ những lần gần đây bị cáo có giúp L bán ma túy khi bị bắt quả tang. Bị cáo còn giúp L bán ma túy cho những người khác bị cáo không nhớ hết. Bị cáo chỉ nhớ các lần gần đây. Vào ngày 03/02/2019, bị cáo có bán cho N một gói ma túy đá với giá 500.000 đồng. Sau khi bán cho N, bị cáo có góp cho N 100.000 đồng, để cùng N sử dụng ma túy. Sau đó bị cáo mang về đủ 500.000 đồng đưa cho Phạm Thị Mỹ L. Cách ngày bị bắt quả tang khoảng 10 ngày, bị cáo có bán cho N 01 gói ma túy đá với giá 500.000 đồng mang tiền về đưa cho L. Ngoài ra cách ngày bị bắt quả tang khoảng 2 tháng, bị cáo giúp L bán cho Võ C 01 gói ma túy với giá 200.000 đồng. Nhưng C để nợ lại 100.000 đồng và hiện nay bị cáo không biết C đã trả tiền chưa. Bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ cho bị cáo.

* Trước đây và tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Thiên P khai nhận: Trong khoảng thời gian từ cuối năm 2018 đến khi L và B bị bắt, bị cáo nhiều lần đến nhà L chơi và được L cho sử dụng ma túy đá cùng với L và B. Để được L cho sử dụng ma túy chung không mất tiền nên bị cáo đã nhiều lần giúp L đem ma túy giao cho những người nghiện. Khi có ai mua thì L nói bị cáo đi giao và lấy tiền về cho L. Bị cáo giúp L giao ma túy cho T5, C, V. Bị cáo nhớ giao giúp ma túy cho L khoảng 07 đến 08 lần, mỗi lần giao một gói ma túy với giá 300.000 đồng bị cáo không nhớ hết. Bị cáo chỉ nhớ lần gần nhất là vào tối ngày 01/02/2019, bị cáo đang ngồi nhậu với anh Phạm Vũ L tại nhà của Phạm Thị Mỹ L thì được L gọi vào và đưa 01 gói ma túy với giá 300.000 đồng. L bảo bị cáo đưa gói ma túy này cho C đang đứng đợi ở trước nhà. Sau khi ra gặp C để giao ma túy, bị cáo lấy số tiền 300.000 đồng từ C đem vào đưa cho L. Bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ cho bị cáo.

* Tại phiên tòa bị cáo Mai Văn T3 khai nhận: Trong khoảng thời gian cuối năm 2018 đến đầu năm 2019, Bị cáo mua ma túy của một người thanh niên ở Đà Nẵng (không rõ họ tên, địa chỉ cụ thể) hoặc nhờ L mua ma túy về để sử dụng và bán lại cho các đối tượng nghiện ma túy, mỗi lần bán một gói ma túy giá từ 300.000 đến 500.000 đồng. Cách thức mua bán, khi có người hỏi mua ma túy thì liên hệ với bị cáo qua số điện thoại 0962.566.252. Bị cáo sẽ hẹn địa điểm rồi trực tiếp đến giao ma túy và lấy tiền. Bị cáo đã bán ma túy cho L 01 lần vào ngày 20/10/2019 với giá 2.000.000 đồng; bán ma túy cho T5 02 lần, mỗi lần 01 gói ma túy giá 300.000 đồng; bán ma túy cho H 01 lần gói ma túy giá 300.000 đồng. Bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét hoàn cảnh bị cáo cha bị tàn tật, bản thân bị cáo đã tham gia nghĩa vụ quân sự và có Bác ruột là Liệt sĩ. Bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét hoàn cảnh gia đình giảm nhẹ cho bị cáo.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Tại phiên tòa bị cáo Phạm Thị Mỹ L, Phạm Vũ B, Nguyễn Thiên P, Mai Văn T3 đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như cáo trạng đã truy tố. Viện kiểm sát nhân dân huyện T giữ nguyên cáo trạng đã truy tố các bị cáo. Ngoài ra đại diện Viện kiểm sát trong phần luận tội đã phân tích tính chất, mức độ nguy hiểm do hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra, cùng các tình tiết giảm nhẹ, trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo. Các bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội và tỏ rõ sự ăn năn hối cải của mình. Bị cáo P đầu thú hành vi phạm tội của mình. Các bị cáo có hoàn gia đình khó khăn, bản thân các bị cáo L, B, T3 có nhân thân tốt chưa có tiền án, tiền sự. Bị cáo P nhân thân đã bị xử lý hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ được quy định tại các điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 54 Bộ luật hình sự cho các bị cáo. Đối với bị cáo P được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm r khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Đại diện Viện kiểm sát đã đề nghị Hội đồng xét xử tuyên các bị cáo Phạm Thị Mỹ L, Phạm Vũ B, Nguyễn Thiên P phạm tội: “Mua bán trái phép chất ma túy” theo các điểm a, b khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự; Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bị cáo Mai Văn T3 phạm tội: “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự và đề nghị xử phạt các bị cáo:

Bị cáo Phạm Thị Mỹ L từ 06 đến 07 năm tù.

Bị cáo Phạm Vũ B từ 04 đến 05 năm tù;

Bị cáo Nguyễn Thiên P từ 03 đến 04 năm tù;

Bị cáo Mai Văn T3 từ 04 đến 05 năm tù;

Đề nghị áp dụng khoản 5 Điều 251 BLHS xử phạt bổ sung đối với các bị cáo Phạm Thị Mỹ L và Mai Văn T3, mỗi bị cáo từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng.

* Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự tuyên:

- Tịch thu tiêu hủy 0,071 gam ma túy còn lại sau giám định cùng toàn bộ bao gói các mẫu vật lúc gửi giám định (được niêm phong trong bì niêm phong số 27/PC09; - 01 (một) cân tiểu ly điện tử; - 02 (hai) kẹp kim loại; - 02 (hai) kéo kim loại; - 07 (bảy) bật lửa ga; - 01 (một) bộ dụng cụ sử dụng ma túy đá; - 01 (một) đoạn ống hút nhựa có một đầu được cắt nhọn; - 01 (một) miếng giấy nilong được

cắt không xác định hình dạng;- 01 (một) gói ni lông trong suốt, bên trong có chứa ma túy đá; - 02 bình ga mi ni (đã qua sử dụng); 01 đầu khò; 01 lọ thủy tinh, chiều cao 9cm, đường kính đáy 3 cm, được thiết kế có 02 lỗ thông phía trên, bên trong có 01 ống dẫn (dụng cụ sử dụng ma túy đá); 02 kiếm tự chế bằng kim loại, dài 62cm và 67cm.

- Tịch thu nộp Ngân sách nhà nước số tiền 5.800.000 đồng (Năm triệu tám trăm ngàn đồng); 01 (một) điện thoại di động hiệu Oppo loại cảm ứng, có gắn sim số thuê bao 0794.584.503 của Phạm Vũ B; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung có gắn hai sim thuê bao số 0865.104.101 và 0376.730.413 của Phạm Thị Mỹ L.

- Trả lại 01 điện thoại di động hiệu Mobistar gắn sim thuê bao số 0944.155.729 cho Lê Hồng Đ.

Đối với số ma túy đá mà Phạm Thị Mỹ L và Mai Văn T3 khai đã mua của nhiều người sau đó đem bán lại cho các đối tượng nghiện ma túy, tuy nhiên Cơ quan điều tra không xác định được họ tên, địa chỉ của những người này nên không có cơ sở để xử lý.

Đối với Lê Hồng Đ, Nguyễn Thành T6, Nguyễn Công T5, Nguyễn Đức H, Trương Văn T4, Phạm Đức Bảo N, Võ C có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, Cơ quan CSĐT Công an huyện T đã ra xử phạt vi phạm hành chính đối với Đ, T6, T5, H, T4, N và C là đúng quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện trong vụ án đều hợp pháp.

[2] Các căn cứ xem xét, đánh giá về tội danh và khung hình phạt:

- Căn cứ vào lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa;
- Căn cứ vào lời khai của những người liên quan có trong hồ sơ vụ án và các chứng cứ khác đã được thu thập như: Biên bản phạm tội quả tang; Biên bản nhận dạng; biên bản đối chất, danh sách các cuộc gọi và các chứng cứ khác đã được thu thập.

Căn cứ vào bản kết luận giám định số 27/PC09 ngày 11/02/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Nam kết luận:

- Chất rắn dạng tinh thể màu trắng chứa trong 01 (một) gói ni lông không màu, kích thước 2,0cm x 1,9 cm, được hàn kín và niêm trong 01 bì giấy (dạng bì dùng để gửi công văn của Công an huyện T). Mặt trước bì niêm phong ghi số “1”. Mặt sau bì niêm phong có các chữ ký đứng tên của Phạm Thị Mỹ L, Phạm Vũ B,

Trần Văn T3, Phạm Văn T, Lê Hồng Đ, Lê Văn H. Đối tượng cần được giám định ký hiệu là mẫu A1 là ma túy, loại Methamphetamine, có khối lượng 0,095 gam;

- Chất rắn dạng tinh thể màu trắng chứa trong 01 (một) gói ni lông không màu, kích thước 2,6cm x 0,9 cm, được hàn kín và niêm trong 01 bì giấy (dạng bì dùng để gửi công văn của Công an huyện T). Mặt trước bì niêm phong ghi số “6”. Mặt sau bì niêm phong có các chữ ký đứng tên của Phạm Thị Mỹ L, Phạm Vũ B, Trần Văn T, Phạm Văn T, Lê Hồng Đ, Lê Văn H. Đối tượng cần được giám định ký hiệu là mẫu A2 là ma túy, loại Methamphetamine, có khối lượng 0,105 gam;

- Chất rắn dạng tinh thể màu trắng chứa trong 02 (hai) gói ni lông không màu, lần lượt có kích thước 3,1cm x 1,0 cm và 3,4cm x 1,0cm, các gói được hàn kín và niêm trong 01 bì giấy (dạng bì dùng để gửi công văn của Công an huyện T). Mặt trước bì niêm phong ghi số “7”. Mặt sau bì niêm phong có các chữ ký đứng tên của Phạm Thị Mỹ L, Phạm Vũ B, Trần Văn T, Phạm Văn T, Lê Hồng Đ, Lê Văn H. Đối tượng cần được giám định ký hiệu lần lượt là mẫu A3 và A4 là ma túy, loại Methamphetamine, mẫu A3 có khối lượng 0,207 gam, mẫu A4 có khối lượng 0,138 gam.

Từ các căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử nhận định: Vào khoảng 11h45’ ngày 04/02/2019, tại nhà ông Phạm Văn T2, trú: Tổ 13, thị trấn H, huyện T (là cha ruột của bị cáo L), Công an huyện T phát hiện và bắt quả tang Phạm Vũ B đang bán trái phép một gói ma túy loại Methamphetamine có khối lượng 0,095 gam cho Lê Hồng Đ. Sau khi bắt quả tang, cơ quan CSĐT Công an huyện T đã tiến hành khám xét khẩn cấp người, chỗ ở của Phạm Thị Mỹ L, thu giữ 03 gói ma túy loại Methamphetamine có tổng khối lượng 0,550 gam.

Ngoài ra, trong khoảng thời gian từ đầu năm 2018 đến ngày 04/02/2019, L đã mua ma túy của nhiều người khác nhau ở Đà Nẵng, Điện Bàn, Quảng Nam (không xác định được lai lịch) và của Mai Văn T3 về chia thành nhiều gói nhỏ để sử dụng và bán lại cho: Trương Văn T4 02 lần, mỗi lần 01 gói 300.000 đồng; Phạm Đức Bảo N 02 lần, mỗi lần 01 gói 300.000 đồng; Võ C 01 lần, mỗi lần 01 gói 300.000 đồng; Nguyễn Công T5 1 lần 01 gói 300.000 đồng. Ngoài ra còn rất nhiều lần nhưng bị cáo L không nhớ được. Trong quá trình mua bán ma túy bị cáo L có sự giúp sức của bị cáo Phạm Vũ B và bị cáo Nguyễn Thiên P. Bị cáo L cho các bị cáo B và P sử dụng ma túy mà không lấy tiền. Đổi lại B, P giúp L đi bán ma túy cho những người nghiện. Từ khoảng cuối năm 2018 đến ngày 04/02/2019, Phạm Vũ B đã giúp L khoảng 15 lần bán ma túy cho những người nghiện nhưng bị cáo B chỉ nhớ ngoài lần bắt quả tang thì bị cáo B giúp Linh bán ma túy cho Phạm Đức Bảo N 02 lần, mỗi lần 01 gói 500.000 đồng; Võ C 01 lần 01 gói ma túy 200.000 đồng. Đến ngày 11/02/2019, sau khi biết L và B bị bắt, Nguyễn Thiên P đã đến cơ quan Công an trình diện và đầu thú, khai nhận về hành vi mua bán trái phép chất ma túy của mình liên quan đến hoạt động mua bán ma túy của Phạm Thị Mỹ L và Phạm Vũ B. Trong khoảng thời gian từ cuối năm 2018 đến ngày 04/02/2019, P đã giúp L bán ma túy cho rất nhiều người khoảng 07 – 08 lần như Võ C, Nguyễn Công T5 và V mỗi người 01 lần 01 gói 300.000 đồng.

Trong khoảng thời gian cuối năm 2018 đầu năm 2019, bị cáo Mai Văn T3 đã mua ma túy từ nhiều người ở Đà Nẵng, Điện Bàn (không xác định được lai lịch) về

để sử dụng và bán lại cho cho Phạm Thị Mỹ L 01 lần 2.000.000 đồng; Phạm Đức H 01 lần 01 gói 300.000 đồng; Nguyễn Công T5 02 lần mỗi lần 01 gói 300.000 đồng.

Như vậy, hành vi của các bị cáo Phạm Thị Mỹ L, Phạm Vũ B, Nguyễn Thiên P, Mai Văn T3 đã đủ yếu tố cấu thành tội: "Mua bán trái phép chất ma túy".

Đối với hành vi phạm tội của các bị cáo Phạm Thị Mỹ L, Phạm Vũ B, Nguyễn Thiên P thì thấy: Các bị cáo phạm tội có tổ chức, nhằm che giấu hành vi phạm tội của mình, bị cáo L mua ma túy về phân nhỏ lẻ sau đó giao cho các bị cáo B, P giao ma túy cho các đối tượng nghiện và mang tiền về cho bị cáo L. Bị cáo Phạm Thị Mỹ L phạm tội với vai trò cầm đầu, chủ mưu đã nhiều lần bán ma túy cho nhiều đối tượng nghiện trên địa bàn huyện T để sử dụng nhằm thu lợi và thỏa mãn nhu cầu sử dụng ma túy cho bản thân. Bị cáo Phạm Vũ B, Nguyễn Thiên P vì được bị cáo L cho sử dụng ma túy mà không phải trả tiền nên đã tích cực giúp sức cho bị cáo L giao ma túy cho các đối tượng nghiện và mang tiền về cho bị cáo L. Hội đồng xét xử thống nhất với quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện T xét xử các bị cáo Phạm Thị Mỹ L, Phạm Vũ B, Nguyễn Thiên P theo quy định tại các điểm a, b khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự.

Đối với bị cáo Mai Văn T đã có hành vi nhiều lần bán ma túy cho nhiều đối tượng nghiện để sử dụng nhằm thu lợi và thỏa mãn nhu cầu sử dụng ma túy cho bản thân. Hành vi mua bán ma túy của bị cáo T3 độc lập với hành vi mua bán ma túy của các bị cáo L, B, P. Hội đồng xét xử thống nhất với quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện T xét xử bị cáo theo điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự.

[3] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo, các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Hành vi phạm tội của các bị cáo rất nguy hiểm cho xã hội, bởi lẽ: Ma túy là một loại chất kích thích, gây ảo giác, gây nghiện khi người đã sử dụng thì khó mà dứt bỏ. Để thỏa mãn cơn nghiện, người nghiện ma túy có thể bất chấp tất cả các thủ đoạn nhằm để có tiền mua thuốc để sử dụng, từ đó gây nên các nguy hiểm khác cho xã hội. Ngoài ra, khi nghiện ma túy sẽ dẫn đến các căn bệnh rất nguy hiểm cho tính mạng của người sử dụng và người thân. Chính vì lẽ đó, Quốc Hội và Chính phủ chỉ đạo xử lý kiên quyết đối với hành vi mua bán ma túy trái phép. Luật hình sự cũng quy định mức hình phạt rất nặng đối với hành vi này thể hiện tại chương XX các tội phạm về ma túy. Các bị cáo đều là những người đã trưởng thành, các bị cáo biết rõ hành vi mua bán ma túy là vi phạm pháp luật và sẽ bị nghiêm trị nhưng do muốn có ma túy để sử dụng cho nhu cầu của bản thân, các bị cáo đã bất chấp tất cả, coi thường pháp luật. Các bị cáo đã cùng nhau thực hiện việc mua bán ma túy cho nhiều người nghiện sử dụng. Hành vi phạm tội của các bị cáo cần phải xử phạt nghiêm minh bằng Luật hình sự với mức hình phạt tương xứng với nhân thân, tính chất, mức độ do hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra.

- Xét nhân thân của các bị cáo đều xuất thân là nhân dân lao động, hoàn cảnh gia đình khó khăn, bản thân các bị cáo Linh, Bảo, Thanh chưa có tiền án, tiền sự. Bị cáo P có nhân thân không tốt: Năm 2016 bị Công an huyện T xử phạt 1.000.000 đồng về hành vi sử dụng ma túy. Sau khi phạm tội các bị cáo đã khai báo thành khẩn và ăn năn hối cải với hành vi phạm tội của mình. Các bị cáo đã tự thú những lần phạm tội trước đó của mình. Bị cáo P có hành đầu thú về hành vi

phạm tội của mình. Bị cáo T3 có hoàn cảnh gia đình rất khó khăn, bị cáo có cha bị tàn tật, có Bác ruột là Liệt sĩ. Bản thân bị cáo đã có thời gian tham gia nghĩa vụ quân sự. Hội đồng xét xử thống nhất với quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát áp dụng các điểm r, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 54 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo.

Trong vụ án này bị cáo L là người cầm đầu, chủ mưu, bị cáo bị truy tố xét xử với hai tình tiết định khung tăng nặng nên Hội đồng xét xử xác định mức hình phạt của bị cáo là cao nhất lẽ ra sẽ không áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự đối với bị cáo L nhưng vì bị còn trẻ và là nữ nên HĐXX sẽ áp dụng Điều 54 BLHS cho bị cáo nhưng xem xét ở mức độ phù hợp.

Đối với các bị cáo B và P cũng bị xét xử với hai tình tiết định khung tăng nặng. Nhưng các bị cáo phạm tội với vai trò giúp sức, nên Hội đồng xét xử sẽ áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo. Tuy nhiên, bị cáo Bảo nhiều lần giúp sức cho bị cáo Linh mua bán hơn bị cáo Phú. Tuy bị cáo P có nhân thân không tốt nhưng bị cáo đầu thú hành vi phạm tội của mình. Nên Hội đồng xét xử mức hình phạt của bị cáo B sẽ cao hơn so với bị cáo P.

Đối với bị cáo Mai Văn T3 bị truy tố xét xử với một tình tiết định khung tăng nặng. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ và có nhân thân tốt nên Hội đồng xét xử xem xét mức hình phạt của bị cáo tương xứng với hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo. Hội đồng xét xử cũng sẽ áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự đối với bị cáo T3.

Xét thấy hành vi của các bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội, Hội đồng xét xử thống nhất với quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện T cần cách ly các bị cáo ra ngoài xã hội một thời gian nhất định để các cơ quan chức năng cải tạo, giáo dục các bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội sau này.

[4] Đối với Lê Hồng Đ, Trương Văn T4, Nguyễn Đức H, Nguyễn Thành T6, Nguyễn Công T5, Mai Văn T3, Phạm Thị Mỹ L, Phạm Vũ B, Nguyễn Thiên P, Phạm Đức Bảo N, Võ C có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, Cơ quan CSĐT Công an huyện T đã ra xử phạt vi phạm hành chính là đúng quy định của pháp luật.

- Đối với nguồn gốc số ma túy mà Phạm Thị Mỹ L, Mai Văn T3 khai mua của một số người (không xác định được họ tên, địa chỉ) ở Đà Nẵng, Điện Bàn. Quá trình điều tra không xác định những người này nên không có cơ sở để xử lý.

[5] Về xử lý vật chứng: Chấp nhận đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T; Tịch thu tiêu hủy:

- Tịch thu tiêu hủy 0,071 gam ma túy còn lại sau giám định cùng toàn bộ bao gói các mẫu vật lúc gửi giám định (được niêm phong trong bì niêm phong số 27/PC09; - 01 (một) cân tiểu ly điện tử; - 02 (hai) kẹp kim loại; - 02 (hai) kéo kim loại; - 07 (bảy) bật lửa ga; - 01 (một) bộ dụng cụ sử dụng ma túy đá; - 01 (một) đoạn ống hút nhựa có một đầu được cắt nhọn; - 01 (một) miếng giấy nilong được cắt không xác định hình dạng; - 01 (một) gói ni lông trong suốt, bên trong có chứa ma túy đá; - 02 bình ga mini (đã qua sử dụng); 01 đầu khò; 01 lọ thủy tinh, chiều cao 9cm, đường kính đáy 3 cm, được thiết kế có 02 lỗ thông phía trên, bên trong có 01 ống dẫn (dụng cụ sử dụng ma túy đá); 02 kiếm tự chế bằng kim loại, dài 62cm và 67cm.

- Tịch thu nộp Ngân sách nhà nước số tiền 5.800.000 đồng (Năm triệu tám trăm ngàn đồng) do bị cáo Phạm Thị Mỹ L phạm tội mà có; 01 (một) điện thoại di động hiệu Oppo loại cảm ứng, có gắn sim số thuê bao 0794.584.503 của Phạm Vũ B; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung có gắn hai sim thuê bao số 0865.104.101 và 0376.730.413 của Phạm Thị Mỹ L các phương tiện dùng vào việc phạm tội.

- Trả lại 01 điện thoại di động hiệu Mobistar gắn sim thuê bao số 0944.155.729 cho Lê Hồng Đ.

Tất cả các vật chứng trên đang được lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

[6] Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T đề nghị áp dụng khoản 5 Điều 251 Bộ luật hình sự tuyên phạt tiền bồi sung đối với các bị cáo Phạm Thị Mỹ L, Mai Văn T; Hội đồng xét xử xét thấy hoàn cảnh các bị cáo khó khăn nên không áp dụng hình phạt bồi sung đối với các bị cáo.

[7] Các biện pháp tư pháp khác:

- Bị cáo Phạm Thị Mỹ L đã thu lợi bất chính từ hoạt động mua bán trái phép chất ma túy kể cả các lần của bị cáo B và bị cáo P tổng số tiền: 4.400.000 đồng sung công quỹ Nhà nước.

- Bị cáo Mai Văn T đã thu lợi bất chính từ hoạt động mua bán trái phép chất ma túy tổng số tiền: 2.900.000 đồng sung công quỹ Nhà nước.

[8] Tiếp tục áp dụng biện pháp: “Cấm đi khỏi nơi cư trú” đối với bị cáo Nguyễn Thiên P trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày tuyên án 16/01/2020.

[9] Về án phí hình sự sơ thẩm các bị cáo phải chịu theo quy định tại Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí tòa án;

[10] Các bị cáo, người liên quan được quyền kháng cáo theo quy định tại các Điều 331 và Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố các bị cáo: **Phạm Thị Mỹ L, Phạm Vũ B, Nguyễn Thiên P, Mai Văn T3** phạm tội: "Mua bán trái phép chất ma túy".

Áp dụng: Các điểm a, b khoản 2 Điều 251; Các điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt các bị cáo:

Phạm Thị Mỹ L 06 (sáu) năm **06** (sáu) tháng tù. Thời gian thụ hình được tính từ ngày bị bắt ngày 04/02/2019.

Phạm Vũ B 05 (năm) năm tù. Thời gian thụ hình được tính từ ngày bị bắt ngày 04/02/2019.

Nguyễn Thiên P 04 (bốn) năm tù. Thời gian thụ hình được tính từ ngày bị bắt đi thi hành án.

Áp dụng: Điểm b khoản 2 Điều 251; Các điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38 Bộ luật Hình sự;

Mai Văn T3 04 (bốn) năm tù. Thời gian thụ hình được tính từ ngày bị bắt ngày 22/02/2019.

* Về vật chứng vụ án: Áp dụng các Điều 46; Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; Tuyên:

- Tịch thu tiêu hủy: 0,071 gam ma túy còn lại sau giám định cùng toàn bộ bao gói các mẫu vật lúc gửi giám định (được niêm phong trong bì niêm phong số 27/PC09; - 01 (một) cân tiểu ly điện tử; - 02 (hai) kẹp kim loại; - 02 (hai) kéo kim loại; - 07 (bảy) bật lửa ga; - 01 (một) bộ dụng cụ sử dụng ma túy đá; - 01 (một) đoạn ống hút nhựa có một đầu được cắt nhọn; - 01 (một) miếng giấy nilong được cắt không xác định hình dạng; - 01 (một) gói ni lông trong suốt, bên trong có chứa ma túy đá; - 02 bình ga mi ni (đã qua sử dụng); 01 đầu khò; 01 lọ thủy tinh, chiều cao 9cm, đường kính đáy 3 cm, được thiết kế có 02 lỗ thông phía trên, bên trong có 01 ống dẫn (dụng cụ sử dụng ma túy đá); 02 kiếm tự chế bằng kim loại, dài 62cm và 67cm.

- Tuyên tịch sung công quỹ Nhà nước số tiền 5.800.000 đồng (Năm triệu tám trăm ngàn đồng) của bị cáo Phạm Thị Mỹ L; 01 (một) điện thoại di động hiệu Oppo loại cảm ứng, có gắn sim số thuê bao 0794.584.503 của Phạm Vũ B; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung có gắn hai sim thuê bao số 0865.104.101 và 0376.730.413 của Phạm Thị Mỹ L.

- Trả lại 01 điện thoại di động hiệu Mobistar gắn sim thuê bao số 0944.155.729 cho Lê Hồng Đ.

Tất cả các vật chứng trên đang được lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

* Biện pháp tư pháp:

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; Tuyên:

- Truy thu của bị cáo Phạm Thị Mỹ L số tiền: 4.400.000 đồng sung công quỹ Nhà nước.

- Truy thu của bị cáo Mai Văn T3 số tiền: 2.900.000 đồng sung công quỹ Nhà nước.

* Về biện pháp ngăn chặn: Áp dụng Điều 123; Điều 326; Điều 327 Bộ luật tố tụng hình sự;

Tiếp tục áp dụng biện pháp ngăn chặn: “Cấm đi khỏi nơi cư trú” đối với bị cáo Nguyễn Thiên P trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày tuyên án ngày 16/01/2020.

Áp dụng Điều 135 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí tòa án;

Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các bị cáo, người liên quan được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án. Những người liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ để xin Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các cơ quan tiến hành tố tụng;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, lưu bộ phận HS;.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký tên, đóng dấu)

Đặng Phùng Thành